

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 22-9-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tấn Quyết và bà Lưu Thị Bích Giang.

- Thư ký Toà phiên toà: Ông Ngô Đình Tú là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N (tên viết tắt V); người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở: 198 Trần Quang Khải, Quận H, Thành phố H; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng V - Chi nhánh K; địa chỉ trụ sở: 01 Phan Đình Phùng, phường Q, thành phố K, tỉnh K; văn bản ủy quyền số: 128/UQ-VCB-PC ngày 25/7/2019; người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc M; chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng giao dịch huyện N; địa chỉ: số 957 Hùng Vương, thị trấn P, huyện N, tỉnh K, văn bản ủy quyền lại số: 01/02/VCB-KTU-UQ ngày 23/02/2021. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C; sinh năm: 1987; giấy chứng minh nhân dân số: 121689285; ngày cấp 09/6/2004; nơi cấp: Công an tỉnh B và bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1990; giấy chứng minh nhân dân số: 233121373; ngày cấp 01/9/2005; nơi cấp: Công an tỉnh K; cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện N, tỉnh K Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng V - Chi nhánh K trình bày:

Ngày 02/11/2018 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng tín dụng số 657/18/CT/NHNT.NH với Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N, vay số tiền 450.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 02/11/2018; Ngày đến hạn: 02/10/2019; Lãi suất vay trong hạn: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 139, diện tích 19021,2 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731602 do UBND huyện N cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 139, diện tích 36441,4 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731601 do UBND huyện N cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H.

Tính đến ngày 23/02/2021, tổng dư nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H là 528.682.267 đồng; trong đó: Nợ gốc là 449.946.968 đồng; Nợ lãi trong hạn là 60.781.935 đồng; Lãi quá hạn là 17.953.364 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu ông C, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng 657/18/CT/NHNT.NH ngày 02/11/2018, yêu cầu ông C, bà H thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/12/NHNT ngày 23/12/2016 ký kết giữa ông C, bà H với Ngân hàng. Tuy nhiên, ông C, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ.

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bên vay vốn là ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay với tổng số tiền tính đến ngày 23/02/2021 là 528.682.267 đồng; trong đó: Nợ gốc là 449.946.968 đồng; Nợ lãi trong hạn là 60.781.935 đồng; Lãi quá hạn là

17.953.364 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 657/18/CT/NHNT.NH ngày 02/11/2018.

Nếu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, nội dung tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 23/02/2021 là 528.682.267 đồng; trong đó: Nợ gốc là 449.946.968 đồng; Nợ lãi trong hạn là 60.781.935 đồng; Lãi quá hạn là 17.953.364 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ và các khoản chi phí tố tụng khác. Nếu ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết công khai, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H vắng mặt, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân không đăng ký kinh doanh, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét hợp đồng tín dụng: Theo hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ngày 02/11/2018 ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N ký hợp đồng tín dụng số 657/18/CT/NHNT.NH vay số tiền 450.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 02/11/2018; Ngày đến hạn: 02/10/2019; Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N là có thật và hợp pháp.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Tài sản thế chấp là: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 139, diện tích 19021,2 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731602 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 139, diện tích 36441,4 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731601 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, thế chấp tại hợp đồng số: 23/12/NHNT ngày 23/12/2016. Để đảm bảo khoản vay 450.000.000 đồng, ông C, bà H đã đồng ý thế chấp tài sản nêu trên và được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện được chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, căn cứ Điều 320, 323 của Bộ luật dân sự, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nói trên giữa các bên là hợp pháp.

Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 657/18/CT/NHNT.NH ngày 02/11/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H nhận nợ với Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng, Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 02/11/2018; Ngày đến hạn: 02/10/2019, do ông C, bà H vi phạm cam kết trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23/02/2021, số dư nợ còn lại quá hạn của hợp đồng là 528.682.267

đồng; trong đó: Nợ gốc là 449.946.968 đồng; Nợ lãi trong hạn là 60.781.935 đồng; Lãi quá hạn là 17.953.364 đồng. Số tiền vay này ông C, bà H bảo đảm tài sản thế chấp là: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 139, diện tích 19021,2 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731602 và Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 139, diện tích 36441,4 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731601 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ các thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, do ông C, bà H vi phạm hợp đồng, nên phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/02/2021 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H đã đồng ý thế chấp tài sản là Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 139, diện tích 19021,2 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731602 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, và Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 139, diện tích 36441,4 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731601 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ các thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/12/NHNT ngày 23/12/2016 và được công chứng, đăng ký thế chấp đúng quy định. Do đó, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 23/02/2021 là 528.682.267 đồng; trong đó: Nợ gốc là 449.946.968 đồng; Nợ lãi trong hạn là 60.781.935 đồng; Lãi quá hạn là 17.953.364 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Nếu ông C, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 8.052.800 đồng; trong đó: Tiền Đăng tin trên báo, đài là 3.052.800 đồng; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ chi phí nêu trên, nên buộc bị đơn ông C, bà H phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ khoản chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 144, 147, 157, 158, 180, 186, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 320, 323, 342, 343, 347, 355, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 23/02/2021 là 528.682.267đ (Năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám hai nghìn hai trăm sáu bảy đồng); trong đó: Nợ gốc là 449.946.968đ (Bốn trăm bốn chín triệu chín trăm bốn sáu nghìn chín trăm sáu tám đồng); Nợ lãi trong hạn là 60.781.935đ (Sáu mươi triệu bảy trăm tám một nghìn chín trăm ba lăm đồng); Lãi quá hạn là 17.953.364đ (Mười bảy triệu chín trăm năm ba nghìn ba trăm sáu tư đồng). Kể từ ngày 24/02/2021 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H không trả khoản nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 139, diện tích 19021,2 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731602 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H và Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 139, diện tích 36441,4 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 731601 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 13/12/2016, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C, bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về các khoản chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K, tổng số tiền chi phí tố tụng là 8.052.800đ (Tám triệu không trăm năm hai nghìn tám trăm đồng); trong đó:

Tiền Đăng tin trên báo, đài là 3.052.800đ (Ba triệu không trăm năm hai nghìn tám trăm đồng); Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.147.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.573.000đ (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0002654 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/9/2021. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bá Khen

